

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2020
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đăng,
2. Bà Trương Thị Ngọc Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 12 năm 2019, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh H tại thôn P, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, ham chơi bạn bè và tiêu

những khoản tiền không rõ mục đích nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau; chị T đã tha thứ, cho anh H nhiều cơ hội nhưng anh H không thay đổi, Chị đã về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã B, huyện B từ tháng 10/2019 cho đến nay, hai người sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng Chị có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 18-3-2012, con đang sống với anh H. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, Chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, Chị bán hàng tạp hóa thu nhập 5.000.000 đồng/tháng và bán hàng online nên đủ khả năng và điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh nhất trí về quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống như chị T trình bày. Vợ chồng kết hôn vào năm 2012, tại UBND xã Xh, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ Anh ở thôn P, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến tháng 10/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng xảy ra cãi vã nhau nên tháng 11/2019 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân ở tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình cho đến nay. Hiện nay, nếu chị T quay về Anh chấp nhận, còn chị T xin ly hôn Anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 18-3-2012, con đang sống với Anh. Sau khi ly hôn, Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; hiện nay Anh làm nghề lái xe, thu nhập 12.000.000 đồng/tháng nên đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H; về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình xử giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn P, xã X, huyện Q, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng không tin tưởng, chia sẻ những vấn đề khó khăn về kinh tế nên dẫn đến cãi vã nhau. Hai người đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải, vận động, tạo điều kiện về mặt thời gian để chị T, anh H suy nghĩ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện được, tại phiên tòa anh H xác định chị T xin ly hôn thì anh đồng ý, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 18-3-2012, con đang sống với anh H. Chị T, anh H đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Xét thấy, cháu T là con gái, cháu đang còn nhỏ cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ hơn mặc dù cháu có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về chia tài sản chung: Vợ chồng thống nhất có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình. Xử lý ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 18-3-2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu T trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0004849, ngày 11 tháng 12 năm 2019.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã X;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

